TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2018/HNGĐ-PT
Ngày 07-02-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Bà Nguyễn Lê Thiên Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 tháng 02 năm 2018 và ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về việc ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 643/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 260/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 163B/8 Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh B.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Ngọc L - Luật sư Công ty Luật TNHH C, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Bùi Mạnh D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: B111 đường T, Tổ M, Khu phố S, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Liêu Hỷ P - Luật sư Công ty Luật TNHH Một thành viên M, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bị đơn - ông Bùi Mạnh D.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/04/2016 và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Trương Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Mạnh D tự nguyện chung sống, kết hôn vào năm 2014, giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 02/2014 ngày 09/09/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng từ khoảng đầu năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi cùng bạn bè, hai bên không cùng quan điểm, bà đã khuyên can và tha thứ để hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng ông D không thay đổi. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông D có 01 (một) con chung tên là Bùi Minh Q, sinh ngày 18/12/2015 (giới tính nam), bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn là ông Bùi Mạnh D trình bày:

Việc chung sống và tạo lập cuộc sống chung vợ chồng đúng như bà N trình bày. Ông cho rằng cuộc sống hôn nhân của ông với bà N có mâu thuẫn nhưng không đáng kể để vợ chồng phải ly hôn. Tại buổi hòa giải ngày 17/10/2016 ông đồng ý ly hôn với bà N nhưng không đồng ý giao con chung cho bà N nuôi dạy. Về tài sản chung không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Bùi Mạnh D vắng mặt.

Bà Trương Thị Mỹ N giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số 643/2017/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Mỹ N.

2. Về con chung: Bà Trương Thị Mỹ N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Bùi Minh Q, sinh ngày 18/12/2015 cho đến khi con chung trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0005348, ngày 20/04/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 20/06/2017, bị đơn là ông Bùi Mạnh D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm về việc ly hôn. Ông cho rằng vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là ông Bùi Mạnh D trình bày:

Hai bên quen biết, yêu thương và đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào tháng 07/2014. Trước khi cưới ông làm cò mua bán đất, bà N buôn bán quán ăn tại Quận M, sau khi cưới hai bên chung sống tại gia đình chồng đến tháng 09/2014 ra ngoài thuê nhà mở quán cà phê và ở tại quán cà phê. Bà N mang thai và sinh em bé vào tháng 12/2015, đến ngày 07/04/2016 thì trả mặt bằng không còn kinh doanh. Do thuê chỗ mới và đang sửa lại mặt bằng nên mang con nhờ cha mẹ ông trông giúp. Bà N phát hiện băng ghi hình trong điện thoại của ông với người phụ nữ khác nên giận ông bỏ về quê tại Tỉnh B. Ngày 26/04/2016 ông có mang con về cho bà N thăm con và xin bà N tha thứ trở về để vợ chồng chung sống, đến qua lễ 30/04/2016, ông và con trở về Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian chung sống tại nhà cha mẹ ông, bà N đi làm từ sáng đến tối mới về, sợ cha mẹ la mắng vợ nên ông phải làm thay công việc của vợ do gia đình hai bên không cùng miền, sợ bà N làm không vừa ý cha mẹ ông. Sau khi bà N bỏ đi về quê, gia đình ông không ngăn cản bà N đến thăm con mà còn khuyến khích bà N đến nhưng trong thời gian dài 08 (tám) tháng bà N không đến thăm con, do con nhớ mẹ nên ông có yêu cầu bà N nói chuyện với con qua điện thoại nhưng bà N từ chối. Những lần đến thăm con bà N không mang đến sữa hay bánh trái cho con. Hiện ông đang thuê nhà ở đường N, Quận B để vợ con cùng về ở, và ông đã xin cho con vào

học tại Trường Mầm non Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 05/2018. Ông yêu cầu được đoàn tụ gia đình vì còn thương vợ con.

Nguyên đơn là bà Trương Thị Mỹ N:

Việc chung sống tại gia đình chồng và ra mở quán bán cà phê như ông D trình bày là đúng. Sau khi bà phát hiện ông D ngoại tình thì bà bỏ về nhà cha mẹ bà tại Tỉnh B sống, khi đi thì con chung đang nhờ cha mẹ chồng trông giúp. Sau này ông D có về quê năn nỉ bà quay lại nhưng bà không đồng ý và ông D có mang con về quê thăm bà. Gia đình bà có lên xin đưa con về quê nuôi nhưng gia đình chồng không cho và nói rằng do con còn nhỏ. Vì vậy bà làm đơn xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con. Trong thời gian con ở với ông D bà có lên thăm con nhưng mang con ra ngoài thì phải có người đi cùng (ông D hoặc người trong gia đình ông D) mới cho, còn một mình bà thì không được vì gia đình chồng cho rằng con còn nhỏ. Bà cho biết khi lên thăm con bà không mua gì cho con là vì bà muốn để dành tiền khi con về ở chung với bà. Con điện thoại gặp bà, bà không gặp được là do bà bận buôn bán nên không nghe máy được. Hiện bà đang thuê căn nhà, hợp đồng 03 năm, giá thuê là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng, để buôn bán mặt hàng kẹo tại Quốc lộ S tỉnh B. Bà sống tại đây cùng với mẹ bà, gia đình bà có 03 (ba) người, người anh trai của bà làm nghề lái xe tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp của bà thu nhập trung bình mỗi ngày là 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng), bán từ 4, 5 giờ sáng đến 9, 10 giờ tối. Sau này con bà sẽ sống cùng bà và mẹ bà tại đây và bà sẽ cho con đi học nhà trẻ nơi trước đây bà học gần nhà. Nếu hết hợp đồng thuê bà sẽ vào khu du lịch Cồn Phụng xin buôn bán trong đó, bán gì cũng được.

Bà cho biết con bà đang sống với ông D được gia đình chồng nuôi tốt, ông nội hiện đi làm việc cho công ty Nhà nước, bà nội ở nhà nội trợ, sống cùng ông D. Con hiện khoảng 20 kg, nếu sau này con khoảng 5, 6 tuổi mà ông bà nội và ông D có yêu cầu đưa con lên Thành phố Hồ Chí Minh học hành thì bà chấp nhận cho con lên theo học.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Quận M đưa vụ án ra xét xử ngày 09/06/2017, ngày 20/06/2017 ông D kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông D không thể hàn gắn, nếu hòa giải đoàn tụ hai bên cũng không thể quay về chung sống, nên đề nghị bác đơn kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Bùi Mạnh D làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên đươc chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Ông D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu bác đơn ly hôn của bà N để gia đình đoàn tụ.

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa phúc thẩm ông D yêu cầu bác đơn ly hôn của bà N để gia đình đoàn tụ do mâu thuẫn gia đình chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy tình cảm ông D dành cho vợ con là có, ông mong muốn đoàn tụ gia đình là đúng. Bà N cho rằng bà không muốn quay về chung sống trở lại với ông D, mâu thuẫn gia đình theo bà N là do ông D ngoại tình, bà phát hiện khi con 04 (bốn) tháng tuổi và bà bỏ nhà về quê sống cùng mẹ ruột, ông D có về quê năn nỉ bà quay về nhưng bà không quay về. Sau khi cưới bà N ở nhà chồng hai tháng rồi ra ngoài thuê nhà ở cùng ông D mở quán kinh doanh, khi ở nhà chồng bà đi làm từ sáng đến tối mới về nhà, vì sợ không vừa lòng cha mẹ nên ông D là người làm việc nhà thay bà, điều đó cho thấy việc ông D thương yêu vợ con là có. Ông D đã thuê nhà cho vợ con về ở sau khi đoàn tụ cho thấy ông D rất có thiện chí. Nếu nay ông D đã có sự hối lỗi thì bà N nên tha thứ để trở về đoàn tụ nhưng bà N vẫn cương quyết ly hôn, bà và ông D đã ly thân hơn hai năm nay, điều đó cho thấy mâu thuẫn gia đình từ hai phía, một phần có lỗi của bà N vì vậy nếu đoàn tụ là không thể. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông D đã không thể đoàn tụ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D xin được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Bà N yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Bùi Minh Q, sinh ngày 18/12/2015 (giới tính nam). Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự trình bày cho thấy sau khi bà N giận chồng bỏ về nhà cha mẹ ở tỉnh B sống, để lại con chung là trẻ Q cho ông D và cha mẹ chồng nuôi dạy, sau này bà có lên thăm con nhưng thăm như thế nào thì bà trả lời rất chung chung không cụ thể. Ông D thì khai khi đến thăm con bà không phụ giúp ông nuôi con (không mua sữa cho con…), trong thời gian dài 08 (tám) tháng bà không thăm con, con nhớ mẹ đưa điện thoại cho mẹ nói chuyện với con thì mẹ không chịu nói chuyện. Bà cho biết không mua sữa hay quà bánh cho con là vì bà muốn để dành tiền sau khi con về ở với bà, hai mẹ con chung sống. Không nghe con gọi điện thoại vì bà bận buôn bán nên không nói chuyện, không thăm con vì bà muốn sau khi xử xong

bà đem con về nuôi luôn. Bà N đã xác nhận ông D và cha mẹ chồng nuôi trẻ Q rất tốt. Bên cạnh đó với trình bày của bà N tại phiên tòa cho thấy điều kiện sống và sinh hoạt của bà sau khi nhận nuôi con thì không có sự ổn định, trẻ Q đang sống trong môi trường tốt và ổn định từ 04 (bốn) tháng tuổi đến nay, nếu giao con cho bà N nuôi thì có thể trẻ Q phát triển không tốt nhưng tại phiên tòa bà tha thiết mong muốn được nuôi con.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: " … Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi… ", trẻ Q sinh ngày 18/12/2015, cho đến ngày mở phiên tòa phúc thẩm trẻ Q chưa đủ 36 tháng tuổi, và vì tình yêu thương của người mẹ dành cho con, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm thời giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dạy, nếu sau này bà N nuôi con không tốt ông D có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông D và bà N khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì bà N phải nộp án phí sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông D phải nộp án phí; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông D là người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Với những chứng cứ kể trên, căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Bùi Mạnh D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Điều 285, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Bùi Mạnh D.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ N và ông Bùi Mạnh D ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà N chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 02/2014, ngày 09/09/2014, do Uỷ ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp không còn giá trị.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ tên Bùi Minh Q, sinh ngày 18/12/2015 (giới tính nam) cho bà Trương Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dạy. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Mạnh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D, nếu ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan Quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan Quản lý nhà nước về Trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí:

4.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2014/0005348 ngày 20/04/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

4.2/ Án phí phúc thẩm: Ông D phải nộp án phí nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông D đã tạm ứng là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0024661 ngày 23/06/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- UBND phường T, Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh